

**NÉT CHUNG, RIÊNG TRONG TƯ TƯỞNG
DUNG HỢP PHẬT - NHO QUA HAI TÁC PHẨM
TAM GIÁO NGUYÊN LƯU KÍ CỦA TOÀN NHẬT QUANG ĐÀI
VÀ TAM GIÁO NHẤT NGUYÊN THUYẾT CỦA TRỊNH HUỆ**

DƯƠNG VĂN HÀ*

Tóm tắt: Dung hợp Tam giáo, trong đó mối quan hệ dung hợp Phật - Nho được hiện hữu rõ ràng hơn cả là hiện tượng xuất hiện từ rất sớm¹ và đã được củng cố, phát triển trong dòng chảy lịch sử tư tưởng của Việt Nam sau này. Hiện tượng dung hợp này được xem là biện pháp hòa giải giữa hai hệ tư tưởng Phật giáo và Nho giáo. Dung hội Phật - Nho không đến từ một phía mà xuất phát từ cả hai hệ tư tưởng Phật giáo và Nho giáo. Trong quá trình dung hợp đó, bên cạnh đặc điểm chung lớn nhất là dung thông, hòa hợp thì vẫn có những nét riêng nhất định, thể hiện được xuất phát điểm của người phát ngôn. Để có cái nhìn cụ thể, trực quan hơn về dung hợp Tam giáo (mà nổi bật hơn cả là dung hợp Phật - Nho), bài viết này sẽ làm rõ những nét chung, riêng đó thông qua hai tác phẩm cùng viết về dung hội Tam giáo, đó là *Tam giáo nguyên lưu kí* của Toàn Nhật Quang Đài (Phật giáo) và *Tam giáo nhất nguyên thuyết* của Trịnh Huệ (Nho giáo).

Từ khóa: Dung hợp Phật - Nho, *Tam giáo nhất nguyên thuyết*, Trịnh Huệ, *Tam giáo nguyên lưu kí*, Toàn Nhật Quang Đài

Abstract: The blending of Three Religions, in which the blending of Buddhism and Confucianism is more clear, appeared very early and had been consolidated and developed throughout the history of thought in Vietnam. This phenomenon is considered a means of reconciling the conflict between Buddhism and Confucianism ideologies. This blend of the ideology of Buddhism and Confucianism does not come from one side but from both of them. In this process, besides the most common in nature between the both which are comprehend and harmony, there are still specific differences, which show the starting point of the spokesperson. To have a more detailed and intuitive view of the blending of Three Religions (in which the blending of Buddhism and Confucianism is more outstanding), this article will clarify the similarities and differences in particular through two works written about the blending of Three Religions, name *The source flow of three Religions (Tam giáo nguyên lưu kí)* of Toan Nhat Quang Dai (Buddhism view point) and *The theory that three Religions are one (Tam giáo nhất nguyên thuyết)* of Trinh Hue (Confucian view point).

Key words: the blending of Buddhism and Confucianism, *The theory that three Religions are one*, Trịnh Huệ, *The source flow of Three Religions*, Toàn Nhật Quang Đài

Mở đầu

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thời phong kiến, ngoài tư tưởng hoàng quyền do hoàng đế đứng đầu là tư tưởng chủ lưu, có hai hệ thống tư tưởng quan trọng khác trong xã hội đó chính là Phật giáo và Nho giáo. Đây cũng là hai hệ thống tư tưởng có tầm quan trọng và ảnh hưởng sâu rộng đến

nhiều mặt trong đời sống xã hội phong kiến Việt Nam, sự ảnh hưởng đó thậm chí còn kéo dài cho đến tận ngày nay. Quan hệ giữa Phật giáo và Nho giáo khá phức tạp, không chỉ là đối đầu đơn thuần mà bên cạnh đó

* NCS., Viện Trần Nhân Tông - Đại học Quốc gia Hà Nội.

còn có cả hiện tượng dung thông, hội nhập giữa hai hệ tư tưởng. Hiện tượng dung hợp Phật - Nho là hiện tượng đáng được quan tâm, cho nên đã có nhiều nhà nghiên cứu, nhiều bài viết bàn về vấn đề thú vị này. Và để có cái nhìn cụ thể, sinh động hơn về dung hợp Phật - Nho trong quá trình tương tác qua lại giữa hai hệ thống tư tưởng ấy, bài viết này sẽ đi sâu vào phân tích sự dung hợp từ góc độ của Phật giáo và từ góc độ của Nho giáo thông qua *Tam giáo nguyên lưu kí* 三教源流記 của Toàn Nhật Quang Đài (Phật giáo) và *Tam giáo nhất nguyên thuyết* 三教一源說 của Trịnh Huệ (Nho giáo).

Về vấn đề dung hội Phật - Nho, cụ thể hơn là về hai tác phẩm nêu trên, đã có nhiều nhà nghiên cứu tiến hành tìm hiểu trên nhiều phương diện, khía cạnh và quy mô khác nhau. Một số bài nghiên cứu có liên quan gần tới nội dung bài viết phải kể tới như *Xu hướng hội nhập Tam giáo trong tư tưởng Việt Nam thế kỉ XVIII*² của Nguyễn Kim Sơn có điểm qua về Trịnh Huệ và tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết* khi nói tới tư tưởng, cách thức và mục đích hội nhập Tam giáo. Trong bài viết khác cũng của tác giả Nguyễn Kim Sơn với tiêu đề *Cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo của Trịnh Huệ trong “Tam giáo nhất nguyên thuyết”*³ đã tiến hành phân tích cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo trên các phương diện như động cơ, mục tiêu, chỗ dựa kinh điển, tâm tính học, thông qua việc nghiên cứu trường hợp là tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết*. Trịnh Khắc Mạnh trong bài viết “Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) tịnh hành trong lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ X - XIX đã giới thiệu tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết* và phân tích tư tưởng của Trịnh Huệ khi bàn về mối quan hệ Nho - Phật - Đạo”⁴. Về *Tam giáo nguyên lưu kí*, đáng lưu ý nhất

công trình *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài* (trong tập 2) của Lê Mạnh Thát, tác giả cuốn sách đã giới thiệu rất chi tiết về vấn đề bản đáy, tên gọi, năm soạn, cơ cấu và nội dung của tác phẩm, đồng thời cũng tiến hành phiên dịch toàn bộ tác phẩm từ chữ Nôm sang chữ Quốc ngữ. Ngoài ra, còn một số bài nghiên cứu có đề cập hoặc trích dẫn tới hai tác phẩm trên ở mức độ không đáng kể, vì vậy ở đây xin phép không trình bày thêm.

Như vậy có thể nói rằng, cho tới nay chưa có một bài viết đã được công bố nào tiến hành so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm *Tam giáo nguyên lưu kí* và *Tam giáo nhất nguyên thuyết*. Đây cũng là khoảng trống hẹp để tác giả bài viết này cố gắng tìm kiếm, khai thác và đề xuất thêm những nét mới.

1. Trịnh Huệ và *Tam giáo nhất nguyên thuyết*

Trịnh Huệ 鄭穗 (1703⁵ - ?) hiệu là Cúc Lâm, một hiệu khác là Chuyết Phu, người hương Sơn Biện Thượng, huyện Vĩnh Phúc (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), trú quán tại xã Bất Quần, huyện Thọ Xương xưa. Có ý kiến cho rằng, do trùng tên với Tuyên phi Đặng Thị Huệ nên sau đó ông đổi tên thành Trịnh Tuệ. Ông thuộc dòng dõi chúa Trịnh, là cháu của Thuần Nghĩa công Trịnh Dương (con trai thứ 5 của chúa Trịnh Tùng)⁶. Theo ghi chép trong cuốn *Đăng khoa lục sưu giảng* 登科錄搜講 do Thượng thư Trần Tiến⁷ biên soạn, Trịnh Huệ “thuở nhỏ nhà nghèo, đến khi lớn mới đi học, vừa học vừa chơi, không chăm chỉ, nhưng rất thông minh đỉnh ngộ, học một lượt là thuộc, thật là một người phi thường, hiếm có”⁸. Một số nguồn tài liệu không thống nhất về năm sinh của ông, tuy nhiên tất cả các tài liệu hiện có đều ghi rõ rằng ông đỗ Đệ nhất giáp

Tiến sĩ Đệ nhất danh (tức Trạng nguyên) năm 33 tuổi trong khoa thi Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 (tức năm 1736) đời vua Lê Ý Tông nhà Hậu Lê. Ông làm quan tới Thượng thư Bộ Hình, vì có qua lại thân thiết với người sau này làm phản là Hoàng Công Phụ, ông bị bắt giam, sau được tha và giáng chức Thừa chỉ.

Hiện ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu giữ được một số trước tác của ông, nhưng phần lớn là các bài văn bia như bài văn bia *Vô đề* kí hiệu N°3050/3052, văn bia 4 mặt chùa Báo Quốc⁹ kí hiệu N°8328/8329/8330/8331, *Nghiêm công bi kí/ Phụng tự lệ bi kí* 奉祀例碑記/ 嚴公碑記 kí hiệu N°7970/7971, ngoài ra ông còn có một số bài thơ văn trong các sách như *Bản quốc kí sự* 本國記事, *Song thanh phú tuyển* 雙青賦選, tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết* kí hiệu A.1183. Trong đó đáng lưu ý nhất phải kể tới tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết*, bởi đây là tác phẩm chữ Hán hoàn chỉnh, có nội dung bàn về việc ba tư tưởng, tôn giáo gồm Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo có cùng một nguồn gốc, thể hiện được tinh thần và tư tưởng dung thông, hội nhập Tam giáo từ một Trạng nguyên Nho học. Mặt khác, trong tác phẩm cũng thể hiện bản vị Nho giáo của ông khi viết về vấn đề “nhất nguyên” của ba hệ tư tưởng. Về niên đại, theo thông tin ghi chép cuối sách thì tác phẩm này được viết vào ngày lành tháng 10 năm Cảnh Hưng thứ 5 (tức tháng 10 năm 1744). Nội dung của tác phẩm bắt đầu với hoàn cảnh sư chùa Hồng Phúc¹⁰ là Tính Chúc¹¹ vâng chỉ đức thánh tượng của Tam giáo, đã soạn khoa cúng để phúng tụng, muốn nhờ người hiểu sâu về lí học như Trịnh Huệ sửa chữa và nhuận sắc cho. Tiếp theo là phần luận giải về vấn đề Tam giáo có cùng một nguồn gốc “Tam giáo nhất môn, Tam tông nhất lí - 三教一門, 三宗一理”¹².

2. Toàn Nhật Quang Đài và *Tam giáo nguyên lưu kí*

Toàn Nhật Quang Đài (1757 - 1834), pháp danh là Toàn Nhật, tự là Vi Bảo, hiệu Quang Đài. Ông xuất thân trong gia đình Nho giáo, sau vì mến mộ Phật giáo mà tới năm 30 tuổi thì quyết chí xuất gia “Ta xưa cũng dự Nho gia, Mười hai tuổi học đến ba mươi rày”¹³.

Ông thuộc đời thứ 37 dòng Lâm Tế và là đệ tử của Hòa thượng Pháp Chuyên Luật Tuyên Diệu Nghiêm, là thế hệ thứ 4 pháp phái Chúc Thánh. Sau này, ông trụ trì chùa Viên Quang ở thôn Định Phong xã An Nghiệp huyện Tuy An tỉnh Bình Định. Dù theo như đánh giá và nhận xét của Lê Mạnh Thát thì “Toàn Nhật là một trong những nhà văn, nhà thơ lớn của lịch sử văn học dân tộc ta, là một nhà tư tưởng có quan điểm độc đáo đầy sáng tạo đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam”¹⁴. Tuy nhiên danh tính thực sự và quê quán của Toàn Nhật Quang Đài cho đến nay vẫn còn là một ẩn số. Mặc dù vậy, với số lượng trước tác đồ sộ của ông, có thể khẳng định ông là một tác gia lớn trong nền văn học Phật giáo Việt Nam. Cũng theo thống kê trong cuốn *Tổng tập Toàn Nhật Quang Đài*, Toàn Nhật Quang Đài sáng tác trên nhiều thể loại khác nhau gồm 11 tác phẩm truyện, 5 bài phú, 30 bài thơ Nôm và 14 bài thơ chữ Hán, 1 tiểu luận về văn, cùng 3 bài bạt viết cho ba cuốn kinh khác nhau.

Trong toàn bộ các tác phẩm đã được phát hiện của Toàn Nhật Quang Đài, có một tác phẩm đáng được lưu ý đến, đó là tác phẩm *Tam giáo nguyên lưu kí*, được viết bằng 1210 câu thơ chữ Nôm. Dù không biết rõ thời gian ra đời của tác phẩm nhưng theo Lê Mạnh Thát suy luận dựa trên nhiều nguồn cứ liệu và tác phẩm khác tác phẩm này có lẽ được sáng tác sau năm 1798¹⁵.

Tam giáo nguyên lưu kí là tác phẩm thể hiện rõ tư tưởng dung hợp, thống nhất giữa các hệ tư tưởng trong Tam giáo của Toàn Nhật Quang Đài. Kết cấu tác phẩm cụ thể như sau: Phần dẫn nhập với 28 câu đầu giới thiệu về tính thống nhất và quan hệ của Tam giáo, 198 câu tiếp theo (từ câu 29 đến 226) bàn về nguồn gốc Nho giáo, 160 sau (từ câu 227 đến 386) nói về lịch sử của Đạo gia, còn 824 câu cuối (từ câu 387 đến 1210) là bàn về Phật giáo. Dù trong phần mở đầu của *Tam giáo nguyên lưu kí*, Toàn Nhật Quang Đài có so sánh Tam giáo như ba chân của một chiếc vạc, thiếu bất kì chân nào cũng không thể đứng vững:

“Hễ trời thì có tam quang,
Đời có tam giáo ba giềng tương nhân.
Ví như cái vạc ba chân,
Nếu mà khuyết một ngã nghiêng đầu còn.
係歪時躑三光,
盞躑三教𠂔經相因。
杳如丐鑊𠂔真,
裊麻決沒我迎兜群。”¹⁶

Tuy nhiên, thực sự việc tác giả *Tam giáo nguyên lưu kí* đứng từ góc độ nào, vị trí nào để đánh giá và nhận định về dung hội Tam giáo, thì đó lại là vấn đề đáng được quan tâm.

3. Những nét tương đồng

3.1. Bối cảnh lịch sử

Có thể nói rằng, thế kỉ XVIII là thế kỉ có xu hướng dung hợp, hội nhập Tam giáo mạnh mẽ, với nhiều các nhân vật tiêu biểu như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích ở miền Bắc, Minh Châu Hương Hải, Như Như đạo nhân, Pháp Chuyên Luật Tuyên Diệu Nghiêm ở miền Nam. Xu thế hội nhập, dung hợp Tam giáo ở thế kỉ này đã bao phủ toàn bộ lãnh thổ Việt Nam và có ảnh hưởng lớn trong lịch sử tư tưởng.

Toàn Nhật Quang Đài và Trịnh Huệ đều sống trong thế kỉ XVIII, thế kỉ mà theo

Lê Mạnh Thát cho rằng “hệ ý thức cư Nho mộ Thích đang phát triển rầm rộ với những khuôn mặt như Diệu Nghiêm và Toàn Nhật ở Đàng Trong, Ngô Thì Nhiệm và Lê Quý Đôn ở Đàng Ngoài”¹⁷. *Tam giáo nguyên lưu kí* và *Tam giáo nhất nguyên thuyết* ra đời trong bối cảnh lịch sử tư tưởng như trên, nên nội dung được truyền tải trong hai tác phẩm ít nhiều mang theo hơi hướng dung hợp Tam giáo của thời đại. Chính vì có chung bối cảnh lịch sử như vậy nên trong hai tác phẩm của hai nhân vật đã có những nét tương đồng nhất định chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử đó.

3.2. Mô thức so sánh

Ngay ở những dòng đầu của mỗi tác phẩm, hai tác giả đã có những so sánh rất tương đồng về vai trò và vị trí của Tam giáo, so sánh Tam giáo như tam quang (mặt trăng, mặt trời và tinh tú) và như ba chân của một chiếc đỉnh, hễ thiếu một thì không thể đứng vững. *Tam giáo nhất nguyên thuyết* khi bàn về lí của Tam giáo cũng viết “Ở Nho gia là tam tài, ở Phật gia là tam thế, ở Đạo gia là tam thanh, cũng giống như trời có tam quang, đỉnh có ba chân, có thể cùng có mà chẳng thể cùng không vậy./ 在儒為三才，在佛為三世，在道為三清，亦猶天之有三光，鼎之有三足，可相有而不可相無也”¹⁸.

Còn *Tam giáo nguyên lưu kí* thì viết rằng:

“Hễ trời thì có tam quang
Đời có tam giáo ba giềng tương nhân¹⁹.
Ví như cái vạc ba chân,
Nếu mà khuyết một ngã nghiêng đầu còn”.
Rồi còn ví rằng:
“Nho gia tỏ rõ như sao,
Chói lòa tinh đầu ai nào chẳng hay.
Đạo gia dường nguyệt tròn thay,
Bắc nam ánh giải, đông tây sáng ngời.
Thích gia ví tựa mặt trời,
Đâu đâu soi thấu đời đời quang minh.
儒家訴魯如暈，

燿燿星斗埃芾極咍。
道家荒月輪台，
北南暎²⁰東西燭燭。
釋家杏似榲桲，
兜兜燭透岱岱光明。”²¹

Sự trùng khớp trong so sánh như vậy, phải chăng là một mô thức có sẵn trong so sánh Tam giáo, bởi trong *Lí Sĩ Khiêm truyện* 李仕嚴傳 hoặc *Tùy thư* 隨書, khi có khách hỏi về ưu điểm và hạn chế của Tam giáo, Lí Sĩ Khiêm cũng có sự so sánh như tương tự: “Người khách hỏi về ưu điểm và hạn chế của Tam giáo, Sĩ Khiêm đáp rằng: ‘Phật gia giống như mặt trời, Đạo gia giống như mặt trăng, Nho gia giống như ngũ tinh vậy’” (Khách hựu vấn Tam giáo ưu liệt, Sĩ Khiêm viết: ‘Phật, nhật dã; Đạo, nguyệt dã, Nho, ngũ tinh dã’. Khách diệc bất năng nan nhi chỉ - 客又問三教優劣, 士謙曰: “佛, 日也; 道, 月也, 儒, 五星也。”客亦不能難而止). Liệu có hay không về khả năng Toàn Nhật Quang Đài đã từng tiếp cận được *Tam giáo nhất nguyên thuyết* của Trịnh Huệ? Có lẽ cần thêm nhiều bằng chứng hơn nữa mới có thể trả lời câu hỏi trên.

3.3. Cùng chung mục đích

Không chỉ tương đồng trong so sánh và hình dung về Tam giáo, Trịnh Huệ và Toàn Nhật Quang Đài còn đồng nhất quan điểm khi giải thích Tam giáo xét cho cùng chẳng qua là một, sự khác biệt chỉ nằm ở giáo thuyết, phương tiện mà thôi. Trịnh Huệ nói rằng “Nói về giáo thuyết thì có thể chia thành ba, nhưng nói về lí (cùng tột) thì chỉ quy về một điểm. Cái một ấy là gì, đó là khiến người làm điều thiện mà thôi” (Cổ tự giáo nhi ngôn, kì biệt vi tam, dĩ lí nhi ngôn, kì qui tắc nhất. Nhất giả hà, viết sử nhân vi thiện nhi dĩ 故自教而言, 其別為三, 以理而言, 其歸則一。一者何, 曰使人為善而已)²². Nhà Nho yêu cầu bản

thân cần “tôn tâm dưỡng tính”, xã hội phải chế ra “lễ, nhạc, hình, chính”, ấy là để “phòng phạm nhân tâm”, giúp người làm thiện mà ngừng ác. Nhà Phật thì yêu cầu bản thân phải “minh tâm kiến tính”, cả trong ngoài đều phải “thanh tịnh từ bi” để giúp người ta trừ bỏ nghiệp chướng, cứu người vớt vật, thoát khỏi bể khổ. Chính vì điểm tụ hội chung ấy của Tam giáo, mà Trịnh Huệ cho rằng “Ba tôn giáo có cùng một nẻo, ba tông chỉ có cùng một lẽ” (Cổ Tam giáo nhất môn, tam tông nhất lí 故三教一門, 三宗一理)²³. Để chứng minh rằng hiệu quả cuối cùng của Nho - Phật là một, Trịnh Huệ đã chỉ rõ rằng cảnh tượng thái hòa của Nho giáo cũng không khác với cảnh tượng cực lạc ở cõi Phật Di Đà là mấy: “Từ lúc đất trời vừa phân tách, thái cực mới phân chia, các bậc thánh thần nổi trời dựng chuẩn. Trên thì có Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn làm vua, dưới thì có Cao Dao, Quý, Hậu Tắc, Tiết làm bề tôi. Vua nhân ái mà bề tôi trung thành, cha hiền từ mà con hiếu thảo. Cuộc sống dân chúng tươi đẹp, phong tục thuần hậu, trăm họ thái hòa, vạn vật sinh sôi, mưa thuận gió hòa, được mùa liên năm. Cương vực trong thiên hạ nào có khác gì với quốc độ của Di Đà 自青冥初判, 太極始分, 時則聖神繼天立極。上有羲, 農, 黃帝, 堯, 瞬之為君, 下有皋, 夔, 稷, 契之為臣。君仁而臣忠, 父慈而子孝。其人熙熙, 其俗怡怡, 百性泰和, 群生滋殖, 風調雨順, 年穀豐登。天下之封疆與嗎, 彌陀之國土無彼此也”²⁴.

Còn Toàn Nhật Quang Đài cũng chỉ rõ rằng, vì cứu vớt chúng sinh thoát khỏi biển khổ, cho nên thánh nhân của Tam giáo đã tùy cơ mà ứng hiện, chỉ rõ lối cho chúng sinh:

“Xao xao biển khổ lao đao,
Lâu đời sa đắm trăm chiều khôn thân.
Cho nên tam giáo thánh nhân,

Tùy cơ thuyết pháp, ứng thân cứu nạn.

激激洩苦潦沔，
 倮倮沙汰替朝困身。
 朱軾三教聖人，
 隨機說法應身救難。”²⁶

Theo Toàn Nhật Quang Đài, mỗi một tôn giáo trong Tam giáo đều có tác dụng riêng, chẳng những đem lại lợi ích cho bản thân mà còn có thể giúp được người khác, vừa ích kỷ mà lại lợi nhân. Phương pháp tu rèn tuy khác, nhưng hiệu quả đem lại là một, cho nên ông nói:

“Nho là hai chữ thành minh,
 Chánh tâm tịnh dục trị bình nhân dân.
 Tiên thì phục tánh tu chân,
 Hàng ma chấn nghiệt cứu dân trợ thì.
 Phật là hỉ xả từ bi,
 Minh tâm kiến tánh tế thì độ nhân.
 Tuy là phân chẻ ba đảng,
 Chẳng qua tu kỹ một trường lợi dân.
 儒罵訖敦誠明，
 正心淨欲治平人民。
 仙時復性修真，
 降魔殄孽救民助辰。
 佛罵喜捨慈悲，
 明心見性濟時度人。
 雖罵分枝毘唐，
 拯戈修己沒場利民。”²⁷

Chính vì sự đem lại hiệu quả “lợi dân” ấy mà Toàn Nhật Quang Đài không ngần ngại khuyên mọi người rằng:

“Dám khuyên thiên hạ anh tài,
 Đạo đồng tam giáo mưa lời thuận mâu.
 Ba đường đều có nhiệm mâu,
 Phật tiên rất báu hầu cầu cũng xinh”.
 敢勸天下英才，
 道同三教馬廐盾矛。
 毘唐調鬪冉牟，
 佛仙叱宝侯求拱撐。”²⁹

Vì mục đích cao cả lợi mình lợi người, chẳng câu nệ là tôn giáo nào:

“Miễn cho lợi vật ích thì,

Chẳng câu là Đạo, luận gì Thích gia³⁰.

免朱利物益時，
 極拘罵道論之釋家。”³¹

Quan điểm của Toàn Nhật cũng khá tương đồng với quan điểm của Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628 - 1715) trước đó. Trong tác phẩm *Sự lý dung thông* 事理融通, Thiền sư Minh Châu cho rằng dù cách thức của mỗi tôn giáo có khác nhau, nhưng mục đích rốt ráo cần phải đạt tới thì chỉ có một và khuyên người ta nên tùy nghi phương tiện mà sử dụng cả ba tôn giáo:

“Nho dùng tam cương ngũ thường,
 Đạo gìn ngũ khí giữ giàng ba nguyên.
 Thích giáo nhân tam quy ngũ giới,
 Thế một đường xe phải dùng ba.
 儒用三綱五常，
 道纏五氣守扛三元。
 釋教人三皈五戒，
 體沒塘車沛用三。”³²

Nhưng liệu rằng, sự dung hợp Tam giáo mà cả Trịnh Huệ và Toàn Nhật Quang Đài đề xuất có phải là sự dung hợp triệt để, không phân biệt, không thiên vị hay không? Đó thực sự là vấn đề khiến chúng ta phải tiến thêm một bước tìm hiểu về bản vị thực sự của hai nhân vật trên.

4. Từ bản vị khác biệt

Mặc dù có những điểm tương đồng trong nhận thức và tư tưởng về sự dung hợp Tam giáo, nhưng có thể nói cả Trịnh Huệ và Toàn Nhật Quang Đài lại đứng ở hai bản vị riêng, đó là Nho giáo và Phật giáo. Chính vì lẽ đó, tuy chấp nhận dung hòa nhưng đó là sự dung hòa có điều kiện và “có tính toán”³³ nhất định.

4.1. Bản vị Nho giáo

Đối với Trịnh Huệ, ông cho rằng: “Nói về giáo thuyết thì có thể chia thành ba, nhưng nói về lý (cùng tột) thì chỉ quy về một điểm. Cái một ấy là gì, đó là khiến người làm điều thiện mà thôi” hay như “ba

tôn giáo có cùng một nẻo, ba tông chỉ có cùng một lẽ /故自教而言，其別為三，以理而言，其歸則一”³⁴. Rồi ông còn giải thích về tiền thân của tổ sư Phật - Nho - Đạo đã từng là những nhân vật nổi tiếng ở trong Tam giáo như “tiền thân của Lão Tử là Bồ tát Ca Diếp 老子前身以迦葉菩薩..., tiền thân của Thích Ca là đại sĩ Hộ Minh 釋迦前身為護明大士..., tiền thân của Khổng Tử là Bồ tát Nho Đồng 前身為儒童菩薩”³⁵. Thậm chí, khi bảo vệ Phật giáo trước những lời phỉ báng của người chưa hiểu, ông còn nhận Phật là “Phật ta” (ngã Phật): “Huống hồ, Phật giáo khuyên người làm thiện, công đức vô biên. Sao lại nói là không cày không cấy, xâm hại chiếm đoạt, mà phỉ báng những người theo Phật ta? /況佛教勉人為善，功德無邊，其可不耕不植，侵漁耗蠹而謗我佛之徒乎”³⁶. Thế nhưng, thực sự Trịnh Huệ có cho rằng việc dung hợp Tam giáo là bình đẳng và quên đi bản vị của mình là Trạng nguyên Nho học hay không? Câu trả lời có lẽ là không, bởi dù bảo vệ Phật giáo và Đạo giáo trước những lời phỉ báng và phân biệt, nhưng khi lập luận thì Trịnh Huệ luôn lấy Nho giáo hay cụ thể hơn là kinh điển của nhà Nho làm căn cứ, làm bản vị.

Có người nói Phật giáo là dị đoan, ông đã phản bác và sử dụng lý luận của Nho gia để bảo vệ cho Phật giáo, “Thánh sư nói rằng: ‘Học tập theo những điều dị đoan, điều đó thật tai hại vậy’. Tiên Nho giải thích rằng: ‘Dị đoan là những điều không phải đạo của thánh nhân, ở riêng một mỗi khác’. Ví như bọn Thân Bất Hại, Hàn Phi, Dương Chu, Mặc Dịch, coi không cha không vua là giáo lí, nói những việc quyền thuật bói toán; lấy quyền mưu quỷ trá làm tôn chỉ, để lừa dối dân. Kẻ chặn đường nhân nghĩa, mới gọi là dị đoan/ 聖師曰: ‘攻乎異端，斯害也已’。先儒釋曰: ‘異端者，非聖人之道，別為一端’。如申，

韓，楊，墨之徒，以無父無君為教，從橫讖緯之說；以權謀詭秘為宗，所以惑世誣民。充塞仁義者，方可謂異端也”³⁷. Trịnh Huệ cũng luôn giữ bản vị Nho giáo khi hòa hợp Tam giáo: “Thế mới hay, Nho là Thích, Thích tức Nho; Đạo là Nho, mà Nho cũng là Đạo /乃知儒即釋而釋即儒，道亦儒而儒亦道”³⁸. Rõ ràng nhất là trong bài kệ đáp lại người tới xin chỉnh sửa và nhuận sắc khoa cúng, Trịnh Huệ cho rằng: “Ai bảo tam giáo là khác đường, Phật vốn là Nho mà Đạo cũng Nho /誰云三教有殊途，佛本儒兮道亦儒”³⁹. Và như thế, có thể nói rằng Trịnh Huệ đã coi mình là “chủ thể tiến hành hội nhập Tam giáo”⁴⁰, dung hợp Tam giáo với vị thế dung nhiếp, “giữ thái độ khoan dung, chấp nhận, hoặc coi Phật - Đạo như những bộ phận của mình”⁴¹, từ đó khẳng định vị thế riêng của Nho giáo trước hai tôn giáo còn lại.

4.2. Bản vị Phật giáo

Nhìn vào kết cấu và dung lượng của *Tam giáo nguyên lưu kí*, chúng ta có thể phần nào thấy được ẩn ý của Toàn Nhật Quang Đài về vị trí và vai trò của mỗi tôn giáo trong Tam giáo. Với vị trí Nho giáo ở đầu, kế theo là Đạo giáo và Phật giáo, phần nào cho chúng ta thấy được quá trình học tập và lựa chọn cuối cùng của Toàn Nhật Quang Đài. Ông bắt đầu học Nho học từ lúc 12 tuổi, tới năm 30 tuổi thì xuất gia theo “phép thiên” của Phật giáo. Về dung lượng của *Tam giáo nguyên lưu kí*, ngoài 28 câu dẫn nhập ở đầu thì có 198 câu bản về Nho giáo, 160 câu nói về Đạo gia, còn 824 câu bản về Phật giáo, như vậy dung lượng về Phật giáo chiếm lượng lớn áp đảo so với Nho giáo và Đạo giáo. Điều này ngoài phản ánh mức độ am hiểu của Toàn Nhật Quang Đài về từng tôn giáo ra, quan trọng hơn nó còn thể hiện được vị trí và vai trò quan trọng của Phật giáo trong tâm tưởng của Toàn Nhật Quang Đài.

Toàn Nhật Quang Đài cũng giống với
Trịnh Huệ, dù ủng hộ dung hợp Tam giáo,
khuyến mọi người rằng:

“Dám khuyến thiên hạ anh tài,
Đạo đồng tam giáo mưa lời thuận mâu.
Ba đường đều có nhiệm mầu,
Phật tiên rất báu Nho câu cũng xinh”⁴².

Nhưng ở đầu tác *Tam giáo nguyên lưu kí*, khi so sánh Tam giáo mặt trời, mặt trăng và tinh tú, Toàn Nhật Quang Đài đã chủ định ví Nho giáo giống như sao, Đạo giáo giống mặt trăng, còn Phật giáo giống mặt trời:

“Nho gia tổ rõ như sao,
Chói lòa tinh đầu ai nào chẳng hay.
Đạo gia đường nguyệt tròn thay,
Bắc nam ánh giải, đông tây sáng ngời”
Thích gia ví tựa mặt trời,
Đâu đâu soi thấu, đời đời quang minh”⁴³.

Cách so sánh có phân biệt vị thế riêng của Phật giáo so với Nho - Đạo như thế đã cho thấy, Toàn Nhật Quang Đài dù đề xuất hòa hợp giữa các tôn giáo, nhưng vẫn đề cao thứ bậc của Phật giáo với hai tôn giáo còn lại.

Để giải thích sự so sánh có chủ đích như vậy của Toàn Nhật Quang Đài, có lẽ phải nói về quá trình xuất gia tu học của ông, vì ông vốn xuất thân Nho học, tới năm 30 tuổi thì theo học giáo lí nhà Phật:

“Ta xưa cũng dự Nho gia,
Mười hai tuổi học đến ba mươi rày.
Hỏi thăm năm bảy ông thầy,
Không ai tỏ ngộ tánh trời huyền môn.
Tâm nguyên uẩn áo thánh nhơn,
Cũng là chân lạc hạnh nhiên để truyền.
Sau ta đầu học phép thiền,
Thuở ba mươi tuổi vậy liền xuất gia.

些初拱預儒家,
進廿歲學臻毘迦。
誨忝軀毘弁柴,
空埃訴鄧性至玄門。
心源蘊奧聖人,

共罵真樂浩然底傳。

些些投學法禪,
課毘迦歲丕連出家。”⁴⁴

Như thế có thể thấy rằng, sự đề cao vị trí bản vị tôn giáo bản thân của Toàn Nhật Quang Đài còn rõ ràng hơn nhiều so với Trịnh Huệ.

5. Kết luận

Thế kỉ XVIII là thế kỉ có nhiều nhân vật tiêu biểu đề xướng và ủng hộ việc dung hợp Tam giáo tới từ cả Nho giáo và Phật giáo như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Minh Châu Hương Hải, Như Như đạo nhân, Pháp Chuyên Luật Tuyên Diệu Nghiêm, ...và hai nhân vật được đề cập trong bài viết này là Trịnh Huệ và Toàn Nhật Quang Đài cũng là một trong số các nhân vật đó.

Trịnh Huệ và Toàn Nhật Quang Đài đều là những nhân vật ủng hộ cho sự dung hợp, hài hòa Tam giáo. Cả hai đều cho rằng mỗi tôn giáo đều đem lại lợi ích cho mọi người, tuy khác biệt ở đường lối, phương hướng, nhưng về lí thì Tam giáo chỉ là một mà thôi. Vượt qua khỏi mâu thuẫn, khác biệt giữa các tôn giáo, Trịnh Huệ và Toàn Nhật Quang Đài cho rằng mục đích lớn nhất, cao cả nhất và cuối cùng nhất của Tam giáo đó là giúp người cứu vật, thoát khỏi bể khổ, giúp người trở về với điều thiện, giúp cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

Thông qua việc so sánh nét tương đồng và khác biệt giữa *Tam giáo nhất nguyên thuyết* của Trang nguyên Nho học Trịnh Huệ và *Tam giáo nguyên lưu kí* của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài, bài viết muốn chứng minh rằng dù chủ động lên tiếng ủng hộ cho việc dung hợp và hòa hợp Tam giáo, nhưng cả Trịnh Huệ cũng như Toàn Nhật Quang Đài đều đứng ở bản vị riêng. Đó là bản vị Nho giáo của Trịnh Huệ và bản vị Phật giáo của Toàn Nhật Quang Đài. Chính

từ bản vị riêng đó, một mặt hai nhân vật vẫn đề xướng việc dung hợp, hài hòa Tam giáo, thậm chí là bảo vệ cho nhau trước những lời phỉ báng, kích bác (mà tiêu biểu là từ hai phía Phật giáo và Nho giáo), nhưng mặt khác hai nhân vật vẫn tự đề cao bản vị tôn giáo của bản thân, cho rằng tôn giáo của mình đang cởi mở, dung nạp các tôn giáo khác. Điều này được thể hiện rõ ngay ở các thức trình bày, dung lượng nội dung (như trong *Tam giáo nguyên lưu kí* của Toàn Nhật Quang Đài), thậm chí là ở những tuyên ngôn rất thẳng thắn và không che dấu (“Phật vốn là Nho mà Đạo cũng Nho” của Trịnh Huệ). Sự đề cao bản vị tôn giáo của bản thân như vậy không hiếm gặp, thậm chí có thể nói là khá phổ biến trong các nhân vật có xu hướng và tư tưởng hội nhập, dung hòa Tam giáo./.

D.V.H

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Theo Vũ Thị Thanh Thảo (2019), “Dung hợp Tam giáo đã có từ thời Bắc thuộc”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 7.
2. Nguyễn Kim Sơn (2007), “Xu hướng hội nhập Tam giáo trong tư tưởng Việt Nam thế kỉ XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
3. Nguyễn Kim Sơn (2020), “Cơ chế kết hợp tư tưởng tam giáo của Trịnh Huệ trong Tam giáo nhất nguyên thuyết”. Cổng thông tin điện tử Viện Trần Nhân Tông. (<http://tnti.vnu.edu.vn/co-che-ke-t-hop-tu-tuong-tam-giao-cua-trinh-hue-trong-tam-giao-nhat-nguyen-thuyet/>). Truy cập tháng 7 năm 2021.
4. Trịnh Khắc Mạnh (2015), “Tam giáo (Nho, Phật, Đạo) tịnh hành trong lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ X - XIX”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4.
5. Có một số tài liệu ghi rằng ông sinh năm 1701 hoặc 1704, nhưng từ thời gian ông đỗ Tiến sĩ (tức năm 33 tuổi) là vào năm Vĩnh Hựu thứ 2 (tức năm 1736) thì có thể suy đoán tương đối chính xác về năm sinh của ông là năm 1703.

6. Trịnh Như Tấu (soạn) (2008), *Trịnh gia chính phả*, NXB. Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.119.
7. Trần Tiến: *Thượng thư thời Lê Hiến Tông*, người đất Hải Dương.
8. Trần Tiến (soạn giả), Đạm Nguyên (dịch giả) (1968), *Đặng khoa lục sưu giảng*, Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn, tr.85.
9. Chùa Báo Quốc: *Tức chùa Bằng (Hà Nội) ngày nay*. Năm 1744, hòa thượng Tính Chúc Đạo Chu có mời Trịnh Huệ soạn bia trùng tu chùa Báo Quốc.
10. Chùa Hồng Phúc: *Tức chùa Hòe Nhài tại số 19 phố Hàng Than*, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội ngày nay.
11. Tính Chúc: *Tức thiền sư Tính Chúc Đạo Chu (1698 - 1775)*, là cao tăng thời Lê Trung hưng, thuộc đời pháp thứ 34 của tông Tào Động.
12. Trịnh Huệ, *Tam giáo nhất nguyên thuyết* 三教一原說, kí hiệu A.1183, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr.2.
13. Lê Mạnh Thát (2005a), *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài (tập 1)*, NXB. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.83.
14. Lê Mạnh Thát, sđđ, 2005a, tr.10.
15. Lê Mạnh Thát, sđđ, 2005a, tr.14.
16. Lê Mạnh Thát (2005b), *Toàn tập Toàn Nhật Quang Đài (tập 2)*, NXB. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.83, tr.314.
17. Lê Mạnh Thát, sđđ, 2005a, tr.10.
18. Trịnh Huệ, sđđ, tr.2.
19. Theo sách của Lê Mạnh Thát phiên là chữ “trương thân”, tuy nhiên khi đối chiếu lại thì phải là chữ “trương nhân” (相因) với nghĩa là nương tựa, nhờ cậy lẫn nhau mới chính xác.
20. : Lê Mạnh Thát phiên là “giải”, dù chưa thuyết phục nhưng trong bài viết tạm dùng theo cách phiên này.
21. Lê Mạnh Thát, sđđ, 2005b, tr.314.
22. Trịnh Huệ, sđđ, tr.7-8.

23. Trịnh Huệ, sđd, tr.3.
24. Trịnh Huệ, sđd, tr.5-6.
25. [礻 + 拈]: Lê Mạnh Thát phiên là “đắm”, dù chưa thuyết phục nhưng trong bài viết tạm dùng theo cách phiên này.
26. Lê Mạnh Thát, sđd, 2005b, tr.313-314.
27. Lê Mạnh Thát, sđd, 2005b, tr.361.
28. Hào 候: Lê Mạnh Thát phiên thành chữ “Nho 儒”.
29. Lê Mạnh Thát, sđd, 2005b, tr.360.
30. Gia 家: Lê Mạnh Thát phiên thành chữ “Nho 儒”.
31. Lê Mạnh Thát, sđd, 2005b, tr.361.
32. Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.416.
33. Nguyễn Kim Sơn, sđd, tr.19.
34. Trịnh Huệ, sđd, tr.7-8.
35. Trịnh Huệ, sđd, tr.6-7.
36. Trịnh Huệ, sđd, tr.8.
37. Trịnh Huệ, sđd, tr.5.
38. Trịnh Huệ, sđd, tr.13.
39. Trịnh Huệ, sđd, tr.14.
40. Nguyễn Kim Sơn, sđd, tr.16.
41. Nguyễn Kim Sơn, sđd, tr.19.
42. Xem chú thích 27.
43. Xem chú thích 19.
44. Lê Mạnh Thát, sđd, 2005b, tr.379-380.
45. Lê Mạnh Thát (2001), *Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam (tập 1)*, NXB. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
46. Ngô Đức Thọ (2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919*, NXB. Văn học, Hà Nội.
47. Tạ Thúc Khảm (dịch giả, 1968), *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* (quyển nhì), Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn.
48. Trần Hồng Đức (2006), *Các vị Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, NXB. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
49. Trần Tiến (soạn giả) Đạm Nguyên (dịch giả), (1968), *Đăng khoa lục sưu giảng*, Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn.
50. Trần Văn Hiến Minh, Vũ Đình Trác (1963), *Tam giáo đại cương Triết học phương Đông*, NXB. Ra Khơi, Sài Gòn.
51. Trịnh Khắc Mạnh (2019), *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.